

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/DS-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án thụ lý số: 222/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty tài chính TNHH N; Địa chỉ trụ sở: tầng N, Tòa nhà R, số XX Đường Đ, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trần Trường G, sinh năm 1988; địa chỉ: tầng M, Tòa nhà R, số XX Đường Đ, Phường M, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 23/6/2022).

- *Bị đơn:* Bà Trương Thị Ngọc B, sinh năm 1991; cư trú tại: Số A Đường T, Phường N, thành phố Tân An, tỉnh Long An.

(Ông G và bà B đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 8 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Công ty tài chính TNHH N (viết tắt: Công ty tài chính N) do ông Trần Trường G đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 11 tháng 3 năm 2020, bà Trương Thị Ngọc B có ký hợp đồng tín dụng số 20200319-0000023 với Công ty tài chính TNHH MTV N (nay là Công ty tài chính TNHH N) vay số tiền 31.650.000 đồng, lãi suất thỏa thuận: 4,92%/tháng, mục đích: tiêu dùng cá nhân. Theo hợp đồng, bà B có nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi cho Công ty tài chính N trong thời hạn 24 tháng với số tiền 53.846.547 đồng, trong đó 23 tháng đầu, mỗi tháng bà B trả 2.275.146 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 1.518.189 đồng. Thời hạn trả bắt đầu từ ngày 12 tháng 4 năm 2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Công ty tài chính N 03 (ba) lần với tổng số tiền đã trả là 6.864.000 đồng. Kể từ ngày 13/6/2020 đến nay, bà B không thanh toán thêm bất kỳ khoản nợ nào cho Công ty tài chính N mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần.

Do bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên Công ty tài chính N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị Ngọc B thanh lý hợp đồng trả một lần cho Công ty tài chính N toàn bộ số tiền nợ bao gồm: Nợ gốc tính đến ngày 12/3/2022 là 29.108.868 đồng và nợ lãi tính đến ngày 12/3/2022 là 17.873.679 đồng, tổng cộng là 46.982.547 đồng.

Bị đơn bà Trương Thị Ngọc B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không lý do. Đại diện của nguyên đơn là ông Trần Trường G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Công ty tài chính N có đơn khởi kiện tranh chấp đối với bà Trương Thị Ngọc B cư trú tại Phường N, thành phố T, tỉnh Long An về yêu cầu trả số nợ đã vay trong hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về tố tụng: Sau khi xem xét đơn khởi kiện, xét thấy vụ án có tính tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, đương sự đã thừa nhận nghĩa vụ, tài liệu chứng cứ đầy đủ, các đương sự đều có địa chỉ cư trú, trụ sở rõ ràng và không có đương sự ở nước ngoài, đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn. Căn cứ theo Điều 316, Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn.

[3] Về xét xử vắng mặt của đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn bà Trương Thị Ngọc B theo địa chỉ cư trú của bà B nhưng bà B vắng mặt không lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến gửi đến Tòa án. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 320 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của Công ty tài chính N đòi bà Trương Thị Ngọc B trả số tiền 46.982.547 đồng, thấy rằng:

[5] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 20200319-0000023 ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa bà Trương Thị Ngọc B với Công ty tài chính N và phê duyệt ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Công ty tài chính N thể hiện bà B có vay của Công ty tài chính N số tiền 31.650.000 đồng, lãi suất thỏa thuận: 4,92%/tháng, mục đích: tiêu dùng cá nhân; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn thông thường. Theo hợp đồng, bà B có nghĩa vụ thanh toán cả gốc và lãi cho Công ty tài chính N trong thời hạn 24 tháng với số tiền 53.846.547 đồng, trong đó 23 tháng đầu, mỗi tháng bà B trả 2.275.146 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền 1.518.189 đồng. Thời hạn thanh toán bắt đầu từ ngày 12/4/2020. Sau khi được Công ty tài chính N giải ngân cho đến ngày 12/6/2020, bà B đã trả cho Công ty tài chính N 03 (ba) lần với số tiền 6.864.000 đồng. Sau đó, từ ngày 13/6/2020 đến

ngày 12/3/2022 là ngày mãn hạn của Hợp đồng tín dụng nhưng bà B không thực hiện trả nợ cho Công ty tài chính N, đã để nợ quá hạn.

[6] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do Công ty tài chính N cung cấp thể hiện bà B có vay và còn nợ Công ty tài chính N số tiền gốc là 29.108.868 đồng và nợ lãi trong hạn tính đến ngày 12/3/2022 là 17.873.679 đồng.

[7] Theo Hợp đồng tín dụng số 20200319-0000023 ngày 11 tháng 3 năm 2020 thể hiện lãi suất thỏa thuận giữa các bên là 4,92%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Tuy nhiên, đại diện nguyên đơn xác định không yêu cầu bị đơn trả nợ lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng từ ngày 13/01/2022 đến ngày 15/8/2022. Ý kiến này của nguyên đơn là tự nguyện, có lợi cho bị đơn và không trái quy định pháp luật nên được Tòa án ghi nhận.

[8] Từ những tình tiết và chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định bà B có vay và còn nợ Công ty tài chính N tính đến ngày 12/3/2022 số tiền gồm nợ gốc là 29.108.868 đồng và nợ lãi là 17.873.679 đồng, tổng cộng là 46.982.547 đồng.

[9] Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà B có nghĩa vụ trả số tiền vay gồm nợ gốc và lãi theo từng tháng. Tuy nhiên, bà B chỉ thực hiện nghĩa vụ trong 03 tháng đầu sau khi ký hợp đồng vay, sau đó hết thời hạn mà vẫn không thực hiện theo đúng thỏa thuận. Do bà B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng vay tài sản nên căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự, buộc bà B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty tài chính N số tiền 46.982.547 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B phải chịu 1.174.564 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 35, 39, 147, 316, 317, 320 và 322 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính TNHH N đối với bà Trương Thị Ngọc B về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Trương Thị Ngọc B có nghĩa vụ trả cho Công ty tài chính TNHH N số tiền nợ gồm tiền gốc là 29.108.868 đồng và nợ lãi đến ngày 29/9/2022 là 17.873.679 đồng, tổng cộng là 46.982.547 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 20200319-0000023 ngày 11 tháng 3 năm 2020 giữa Công ty tài chính TNHH N và bà Trương Thị Ngọc B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Ngọc B phải chịu 1.174.564 đồng; hoàn trả cho Công ty tài chính TNHH N số tiền tạm ứng án phí là 587.282 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001820 ngày 08/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp Tân An;
- Chi cục THADS tp Tân An;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Toàn Vẹn